|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT****THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** |  |

**Biểu mẫu 18**

***C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành***

***Ngành Quản lý Công nghiệp*(Chất lượng cao)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản CN Mác–Lênin | Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về CN Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành ba phần, 9 chương. Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của CN Mác – Lênin. Phần thứ hai có 3 chương trình bày 3 nội dung trọng tâm là học thuyết kinh tế của CN Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Phần thứ 3 có 3 chương, trong đó có 2 chương khái những nội dung cơ bản thuộc lý luận của CN Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. | 5 |  HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh  | Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: Chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ Chương II đến Chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học. | 2 |  HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 3 | Đường lối CM của ĐCS Việt Nam | Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới, trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 08 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; Chương VIII: Đường lối đối ngoại. | 3 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 4 | Nhập môn ngành Quản lý công nghiệp | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về ngành học Quản lý công nghiệp cũng như các hiểu biết nhất định về Khoa và Nhà trường. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này | 3 (2+1) | HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 5 | Pháp luật đại cương | Học phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả. | 2 | HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 6 | Phương pháp NCKH kinh tế | Nội dung chủ yếu của học phần là trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học từ khâu lên kế hoạch, viết đề cương sơ bộ, đề cương chi tiết đến khâu hoàn thành báo cáo nghiên cứu. | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 7 | Phương pháp định lượng và thống kê |  | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 8 | Anh văn 1 | Học phần này được thiết kế cho học kỳ I năm thứ nhất bậc đại học ở tất cả các ngành nhằm hệ thống lại toàn bộ kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ mà sinh viên đã được học ở bậc PTTH. Ngoài ra, học phần này còn hướng đến việc phát triển khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp của sinh viên ở trình độ sơ cấp (elementary); hình thành nhận thức về vai trò quan trọng của tiếng Anh trong việc phát triển nghề nghiệp tương lai và trong xã hội; bước đầu xây dựng ý thức tự học và các chiến lược học tập môn tiếng Anh một cách chủ động, tích cực. | 3 | HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 9 | Anh văn 2 | Học phần này được thiết kế cho sinh viên không chuyên ngữ bậc đại học hệ chính quy nhằm nâng cao trình độ ngôn ngữ của sinh viên. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức ngôn ngữ vào việc đọc, viết, nghe và nói về những nội dung đơn giản trong giao tiếp thông thường như gia đình, nhà trường, bạn bè, sở thích, học tập... ở trình độ tiền trung cấp. | 3 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 10 | Anh văn 3 | Học phần này được thiết kế cho những sinh viên đã hoàn thành học phần Anh văn 2. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức ngôn ngữ vào việc đọc, nghe và nói về những nội dung đơn giản trong giao tiếp thông thường như gia đình, nhà trường, bạn bè, sở thích, học tập... ở trình độ tiền trung cấp. | 3 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 11 | Anh văn 4 |  | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 12 | Anh văn 5 |  | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 13 | Toán kinh tế 1 |  | 3 | HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 14 | Toán kinh tế 2 |  | 3 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 15 | Tin học ứng dụng | Học phần trang bị các kiến thức chuyên sâu của MS Excel nâng cao. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kiến thức tin học ứng dụng trong kinh tế: các hàm toán tài chính, các hàm toán thống kê… ứng dụng trong việc đánh giá các dự án, phân tích độ nhạy các dự án, định giá các công cụ tài chính, cũng như cách thức, phương pháp tổ chức lưu trữ dữ liệu, truy vấn thông tin và lập báo cáo theo yêu cầu. | 2 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 16 | Vật lý 1 | Học phần Vật lý đại cương 1 ở trình độ đại học gồm 3 đơn vị học phần, cung cấp cho SV các kiến thức về: \* Cơ học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ học cổ điển (cơ học Newton). Nội dung chính bao gồm: các định luật Newton, định luật hấp dẫn, các định luật bảo toàn trong chuyển động của chất điểm, hệ chất điểm, vật rắn. \* Nhiệt học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về chuyển động nhiệt phân tử và các nguyên lý cơ bản của nhiệt động lực học. \* Điện-Từ học: Phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các tương tác tĩnh điện, các tương tác tĩnh từ và mối liên hệ giữa điện trường và từ trường biến thiên | 3 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 17 | Xác suất thống kê ứng dụng | Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính. | 3 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 18 | Kinh tế lượng | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hóa một mô hình kinh tế. Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế. Những kỹ thuật này sẽ được minh họa cụ thể nhờ phần mềm thống kê EViews 5.0. Phần mềm này sẽ được minh họa với các ví dụ lồng vào các buổi học hàng tuần. | 3 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 19 | Tối ưu hóa | Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính. | 3 |  HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 20 | Kỹ năng xây dựng kế hoạch |  | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 21 | Tư duy hệ thống | Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo. | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 22 | Kỹ năng thuyết trình | Tạo ra một bài thuyết trình là một nghệ thuật. Hầu hết mọi người đều trải qua sự lúng túng trong qúa trình thuyết trình. Để có một bài thuyết trình một cách chuyên nghiệp họ cần có các kỹ năng thuyết trình thông qua các khóa đào tạo. Kỹ năng thuyết trình là trình bày giải thích và giới thiệu một vấn đề. Trong đó phải vận dụng cách nói chuyện cho hợp logic với các vấn đề cần thuyết trình. Với các kỹ năng trình bày tốt là cần thiết để trở thành một người thuyết trình thành công. | 2 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 23 | Nhập môn logic học | Học phần này trang bị cho người học kiến thức về nhận thức và bản chất của hoạt động tư duy. Người học được cung cấp kiến thức về các quy luật cơ bản của tư duy và các hình thức của tư duy qua đó rèn luyện tư duy logic, có thể sử dụng chính xác từ, câu trong diễn đạt tư tưởng, có kỹ năng lập luận, diễn giải cũng như chứng minh, bác bỏ vấn đề có sức thuyết phục, suy nghĩ chín chắn, nhất quán, khắc phục những sai phạm trong tư duy, trong giao tiếp | 2 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 24 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cần thiết về nền văn hóa dân tộc. Nền văn hóa đó được xây dựng theo một hệ thống hoàn chỉnh từ cơ sở ngôn ngữ, phong tục, tập quán…và nhất là nó được xây dựng trên một cơ sở tư tưởng của người Việt. Tập trung vào hai nội dung cơ bản: văn hóa và văn hóa học, các thành tố văn hóa (văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội). | 2 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 25 | Nhập môn xã hội học | Học phần trang bị cho sinh viên không chuyên ngành xã hội học, trường Đại học sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh những kiến thức cơ bản về hệ thống lý luận Xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của ngành khoa học xã hội trong tiến trình phát triển của nhận thức, tiến bộ xã hội và khoa học kỹ thuật; các khái niệm, phạm trù và các lĩnh vực nghiên cứu chính của khoa học xã hội học trong đời sống con người thông qua các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu, học tập môn học xã hội học. | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 26 | Tiếng Việt thực hành | Học phần này giới thiệu sinh viên những đặc điểm cơ bản của tiếng Việt,những kiểu sai về chính tả, từ, câu trong tiếng Việt và cách khắc phục, những phong cách ngôn ngữ chức năng tiếng Việt. | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 27 | Anh văn thương mại  | Môn học củng cố và phát triển kiến thức ngữ pháp, cấu trúc và từ vựng với trọng tâm là xây dựng cấu trúc câu và đoạn văn sử dụng trong giao tiếp kinh doanh và viết thư tín thương mại. Ngoài ra, môn học còn cung cấp từ vựng và những khái niệm được sử dụng trong các sách, báo, tạp chí và các tài liệu chuyên ngành thương mại. Sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và nghe hiểu trong môi trường thương mại. Môn học đặc biệt chú trọng đến kỹ năng diễn đạt ý kiến, suy nghĩ, ý tưởng trong môi trường kinh doanh. | 3 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 28 | Kinh tế học đại cương | Môn Kinh tế học đại cương cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những nguyên lý cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. | 4 | HK1 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 29 | Nguyên lý kế toán | Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về kế toán - một trong những công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Sinh viên được trình bày về những lý thuyết căn bản, mục tiêu của kế toán, đối tượng của kế toán, nguyên tắc và các phương pháp kế toán được vận dụng cũng như các bước thực hành cơ bản trong 1 chu kỳ kế toán (như sinh viên được làm quen với chứng từ kế toán, với việc định khoản và ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo kế toán dạng đơn giản, …). | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 30 | Luật kinh tế | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. | 3 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 31 | Quản trị học căn bản | Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp. | 3 | HK2 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 32 | Vẽ kỹ thuật | Học phần cung cấp cho sinh viên những quy tắc cơ bản để xây dựng bản vẽ kỹ thuật bao gồm: Các tiêu chuẩn hình thành bản vẽ kỹ thuật, các kỹ thuật cơ bản của hình học hoạ hình, các nguyên tắc biểu diễn không gian hình học, các phép biến đổi, sự hình thành giao tiếp của các mặt, ..., các yếu tố cơ bản của bản vẽ kỹ thuật: Điểm, đường, hình chiếu, hình cắt, các loại bản vẽ chi tiết, vẽ lắp và bản vẽ sơ đồ động trên cơ sở tiêu chuẩn TCVN và ISO. | 2 | HK3 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 33 | Quản trị marketing | Quản trị marketing là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, marketing là gì và quá trình tiến hành hoạt động marketing trong một đơn vị như thế nào. Quá trình marketing bắt đầu bằng việc phải hiểu biết sâu sắc môi trường marketing, nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng, trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ xây dựng một chiến lược marketing hướng về khách hàng (customer-driven marketing strategy) nhằm cung cấp giá trị vượt trội cho khách hàng. Để triển khai chiến lược marketing đã chọn, doanh nghiệp phải cụ thể hóa chiến lược marketing của mình thành một chương trình marketing liên hợp (integrated marketing program) bao gồm các yếu tố: chiến lược phát triển sản phẩm (Product strategy), chiến lược định giá sản phẩm (Price strategy), chiến lược phân phối (Place strategy), chiến lược truyền thông/chiêu thị (Communication/Promotion strategy).  | 4 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 34 | Kế toán quản trị | Kế toán quản trị có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho nhà quản trị để thực hiện quản trị tổ chức. Thông tin của kế toán quản trị là một trong những nguồn thông tin chủ yếu cho nhà quản trị ra quyết định, điều hành và kiểm soát hoạt động trong một tổ chức. Môn học đi vào các nội dung cụ thể của kế toán quản trị như sau: phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích chi phí phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh, lập kế hoạch và dự toán ngân sách, phân tích biến động chi phí sản xuất, đánh giá trách nhiệm quản lý, sử dụng kỹ thuật phân tích biến động đánh giá hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 35 | Quản trị ngoại thương | Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học năm được nôi dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế… Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 36 | Quản trị sản xuất 1 | Học phần quản trị sản xuất 1 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về cách thức vận hành của một số hệ thống sản xuất. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về thiết kế quy trình sản xuất, tính toán các thống số trong hệ thống sản xuất, đồng thời hiểu được vai trò và nắm bắt công việc của một người làm công tác quản lý trong hệ thống sản xuất. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 37 | Quản trị sản xuất 2 | Học phần quản trị sản xuất 2 trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về công tác quản trị sản xuất và điều hành trong doanh nghiệp. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ trong lĩnh vực sản xuất cũng như các kiến thức và kỹ năng về dự báo nhu cầu sản xuất, hoạch định công suất nhà máy, định vị doanh nghiệp, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, quản lý hàng tồn kho, điều độ sản xuất. Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ. | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 38 | Quản trị công nghệ | Học phần Quản trị công nghệ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công nghệ và kiến thức kỹ năng quản trị công nghệ trong doanh nghiệp công nghiệp. Học phần quản trị công nghệ giúp cho học viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích đánh giá được năng lực công nghệ, qua đó mà lựa chọn, chuyển giao được công nghệ thích hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao. Học phần quản trị công nghệ còn trang bị kiến thức, phương pháp luận về công tác quản lý công nghệ phục vụ cho chiến lược đầu tư đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 39 | Nghiên cứu tiếp thị | Học phần này trang bị cho người học những kiến thức/ kỹ năng về cách thức tiến hành một dự án nghiên cứu tiếp thị: thiết kế, thu thập thông tin, xử lý số liệu, phân tích và diễn giải; qua đó, đưa ra các thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định của nhà quản lý trước các vấn đề trong môi trường kinh doanh. Hướng dẫn người học cách phân tích dữ liệu qua phần mềm SPSS. | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 40 | Quản trị nguồn nhân lực | Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về nghiệp vụ quản trị Nhân sự. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, sinh viên làm quen với công tác quản trị nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Môn học tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống. | 3 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 41 | Quản trị chất lượng | Môn học nhằm khái quát những khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng, các hệ thống chất lượng và cung cấp một số công cụ, kỹ thuật trong quản lý chất lượng để thực hiện cải tiến chất lượng trong các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ. | 3 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 42 | Quản lý bảo trì và bảo dưỡng CN | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bảo trì bảo dưỡng, làm tăng tốc độ và hiệu quả của quá trình *bảo dưỡng, nâng cao năng suất, đảmbảo* an toàn lao động, giảm thiểu hỏng hóc, rác thải *công nghiệp* ra môi trường. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 43 | Hệ thống thông tin quản lý (MIS) | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về công nghệ thông tin, các thành phần và các lọai hệ thống thông tin, từ đó có thể đưa ra những chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp trong quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trong xu hướng thời đại mới. | 4 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 44 | Quản trị chiến lược | Quản trị chiến lược xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp, các vấn đề về lập chiến lược và thực thi chiến lược theo quan điểm của giám đốc doanh nghiêp, cung cấp khung tổng quát để quản lý tổ chức và các bộ phận chức năng. Những ai có kế hoạch nghề nghiệp đảm trách chức vụ quản lý cao cấp, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoặc phụ trách các bộ phận chức năng sẽ thấy môn học này hữu ích trong việc nâng cao hiệu quả của tổ chức. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 45 | Quản trị dự án công nghiệp | Môn học này cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án như phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, và các cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu các phần mềm liên quan nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý dự án. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 46 | Quản trị tài chính | Môn học này trang bị cho sinh viên những khái niệm, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những nguyên tắc này trong việc ra quyết định của giám đốc tài chính: quyết định đầu tư, tài trợ và cổ tức. Sinh viên được làm quen với những vấn đề chính mà một giám đốc tài chính phải đối diện trong công ty. Những chủ đề chính bao gồm: sự bất cân xứng về thông tin, vấn đề đại diện, phân tích điểm hòa vốn, ra quyết định đầu tư trong điều kiện quốc tế hóa, cấu trúc vốn, định giá doanh nghiệp, huy động vốn, quản trị vốn lưu động và lập kế hoạch tài chính. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 47 | Thương mại điện tử | Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thương mại điện tử, cách ứng dụng và triển khai dự án về thương mại điện tử, từ đó có thể áp dụng đưa ra những chiến lược thương mại điện tử phù hợp trong doanh nghiệp, nắm được phương thức triển khai hiệu quả nhất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại kỹ thuật số. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 48 | Kinh doanh quốc tế | Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về kinh doanh quốc tế như: Đại cương về kinh doanh quốc tế; các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh quốc tế; các chiến lược, chính sách và các mặt của hoạt động kinh doanh quốc tế; và những vấn đề nhà quản trị phải đối mặt trong môi trường toàn cầu hóa. | 3 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 49 | Quản trị Logistics | Môn học giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế & xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn & có vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. | 3 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 50 | Đồ hoạ kỹ thuật trên máy tính (CAD)Auto Cad căn bản | học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng bản vẽ trên phần mềm Autocad, bao gồm phương pháp sử dụng các tập lệnh 2D của phần mềm, các bước thiết lập và hoàn thiện bản vẽ thiết kế 2D. Cung cấp cho người học phương pháp sử dụng lệnh nhằm thiết lập nhanh và đầy đủ các thông số kỹ thuật của một bản vẽ kỹ thuật hoàn chỉnh, tạo cho người học định hướng ứng dụng ngay vào yêu cầu thực tế. Đây là phần học phần chuyên sâu về bản vẽ kỹ thuật giúp người học nhận thức được các mặt tác động và tầm quan trọng của nó trong kỹ thuật hoàn thiện một bản vẽ hay một cụm bản vẽ trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 51 | Tự động hóa quá trình sản xuất | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý làm việc của các phần tử và hệ thống điều khiển khí nén, điện - khí nén. Giới thiệu nguyên tắc cơ bản để thiết kế mạch điều khiển khí nén, điện - khí nén. Các kiến thức về phương tiện tự động hoá của các lĩnh vực sau: điều khiển; cấp phôi; kiểm tra. Cung cấp một số khái niệm cơ bản về dây chuyền sản xuất và dây chuyền lắp ráp tự động hoá. | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 52 | Vật liệu học cơ sở | Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về cấu tạo kim loại và hợp kim, vật liệu kim loại trong chế tạo cơ khí và các kiến thức cơ bản trong nhiệt luyện các vật liệu kim loại để bảo đảm cơ tính làm việc. Cung cấp kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất sử dụng các vật liệu polime, chất dẻo, vật liệu composite, cao su, vật liệu keo, v.v.Thí nghiệm vật liệu học trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể kiểm tra đặc tính cơ, lý, hóa, … của vật liệu bằng các thiết bị đo lường hiện đại. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 53 | Kỹ thuật điện | Học phần dành cho sinh viên không chuyên ngành điện, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về mạch điện, cách tính toán mạch điện, nguyên lý cấu tạo, tính năng và ứng dụng các loại máy điện cơ bản; cung cấp khái quát về đo lường các đại lượng điện. Trên cơ sở đó có thể hiểu được các máy điện, khí cụ điện thường gặp trong sản xuất và đời sống. | 3 | HK4 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 54 | Cơ khí đại cương | Học phần giới thiệu một cách đại cương về vật liệu cơ khí và gia công nhiệt vật liệu: khái niệm, đặc điểm của một số kim loại và hợp kim thông dụng; một số phương pháp nhiệt luyện; các phương pháp gia công không tạo phôi: đúc, gia công áp lực, hàn và cắt kim loại; gia công kim loại bằng cắt gọt, … | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 55 | Kỹ thuật số | Học phần giới thiệu các hệ thống đếm và mã dùng trong kỹ thuật số, đại số logic, tối thiểu hoá hàm logic và các họ vi mạch số; giới thiệu về thiết kế và phân tích mạch tổ hợp, một số mạch tổ hợp chuyên dụng; mạch dãy, các mạch logic dãy, một số mạch ứng dụng các vi mạch cỡ lớn, các mạch số học dùng IC cỡ lớn và chuyển đổi tín hiệu; thực hành, tìm hiểu, lựa chọn linh kiện, lắp ráp, điều chỉnh một số mạch đơn giản. | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 56 | Đánh giá tác động của môi trường | Trong môn học này sinh viên sẽ được học các phương pháp và tiến trình cơ bản nhất của một quá trình đánh giá tác động môi trường. Nội dung cơ bản bao gồm các bước từ tổ chức nhân sự, thu thập thông tin, phân tích số liệu cho đến việc giám sát và báo cáo kết quả. | 3 | HK5 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 57 | Hành vi tổ chức | Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hành vi tổ chức, các yếu tố tác động đến những hành vi của cá nhân và các nhóm trong một tổ chức, các vấn đề về thông tin liên lạc, lãnh đạo, cấu trúc và văn hóa tổ chức. | 2 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 58 | Lập và phân tích dự án | Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C...Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án. Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng. | 2 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 59 | Giao tiếp trong kinh doanh | Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. | 2 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 60 | Thị trường chứng khoán | Môn học này trang bị cho sinh viên những lý thuyết căn bản của chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm những khái niệm về cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, chứng khoán phái sinh. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên vai trò và chức năng của các nhân tố tham gia thị trường chứng khoán như Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các công ty chứng khoán. | 2 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 61 | Quản trị quan hệ khách hàng | Học phần này nghiên cứu một cách tổng thể các khía cạnh của quản trị quan hệ khách hàng (CRM), bao gồm chiến lược, chăm sóc khách hàng, bán hàng và công nghệ thông tin; qua đó, giúp người học hình dung quy trình thực hiện CRM trong doanh nghiệp và có thể ứng dụng được thông qua việc phân tích các tình huống. | 2 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 62 | Quản trị rủi rotàichính | Học phần trình bày những vấn đề lý luận về quản trị rủi ro trong hoạt động của các công ty và của các ngân hàng thương mại: nghiệp vụ quản lý rủi ro tín dụng, nghiệp vụ quản lý rủi ro lãi suất, nghiệp vụ quản lý rủi ro tỷ giá. Từ đó giúp sinh viên có cái nhìn đúng hơn về mối quan hệ về quản trị rủi ro của khách hàng và ngân hàng. Biết cách phân tích và xác định nguồn gốc của các loại rủi ro, từ đó thực hiện các giải pháp nhằm quản trị rủi ro. | 2 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 63 | Anh văn thương mại nâng cao | Học phần gồm các đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau thuộc lĩnh vực thương mại và quản lý. Trong mỗi bài học, sinh viên được trau dồi và nâng cao kiến thức từ vựng chuyên ngành và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra, môn học còn chú trọng mở rộng kiến thức về chuyên ngành như: xây dựng thương hiệu, tiếp thị, tài chính – tiền tệ, cải các và đổi mới, các hình thức tổ chức doanh nghiệp v.v | 2 | HK6 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 64 | Tâm lý học kinh doanh | Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên | 2 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 65 | Văn hóa doanh nghiệp | Môn Văn hóa doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa doanh nghiệp trong doanh nghiệp và tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp trong quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp. Các lý thuyết và kiến thức thực tế về văn hóa cũng như những khía cạnh sâu xa của văn hóa doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiệu quả cho doanh nghiệp trong vai trò là một thành viên hay người tư vấn của doanh nghiệp đó. | 2 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 66 | Quản trị sản xuất theo Lean and Jit | Đây là môn học thuộc kiến thức ngành, giúp người học nắm vững lý thuyết và vận dụng được trong thực tiễn tại các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ nhằm tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa sử dụng nguồn lực nhằm quản lý sản xuất hiệu quả, đảm bảo chất lượng luôn là mục tiêu phấn đấu của các doanh nghiệp. Quản trị sản xuất theo LEAN và quản trị sản xuất theo JIT là những phương pháp quản trị hiện đại nhằm tinh gọn sản xuất và gia tăng hiệu quả kinh doanh. | 2 | HK7 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 67 | Thực tập tốt nghiệp | Sinh viên đăng k‎ý đề tài và tham gia thực tập tại các công ty dưới sự hướng dẫn của GVHD do Khoa phân công. Học phần giúp sinh viên hiểu biết về cơ cấu tổ chức hoạt động của 1 doanh nghiệp; mô tả được cơ cấu tổ chức của 1 doanh nghiệp cũng như các phòng ban trong doanh nghiệp; biết cách trình bày 1 báo cáo thực tập tốt nghiệp; thực hiện được một báo cáo thực tập tốt nghiệp hoàn chỉnh. | 4 | HK8 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |
| 68 | Khóa luận tốt nghiệp QCN/Thi TN | Học phần này giúp hệ thống lại/ nâng cao những kiến thức đã học trong chương trình. | 10 | HK8 | Đánh giá quá trình + Đánh giá cuối kỳ |